

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1068/YDHP-VTTTB

Hải Phòng, ngày 09 tháng 11 năm 2024

V/v mời báo giá cung cấp hóa
chất xét nghiệm đợt 1

Kính gửi: Quý Công ty

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Kế hoạch, nhu cầu sử dụng của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đề nghị **Quý Công ty** gửi báo giá trọn gói (đã bao gồm đầy đủ các chi phí) để “Cung cấp hóa chất xét nghiệm đợt 1 cho trường Đại học Y Dược Hải Phòng” theo phụ lục chi tiết kèm theo.

Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng dự toán kinh phí, giá gói thầu;

Thời điểm gửi báo giá chậm nhất: Trước 17h00 ngày 09/12/2024;

Yêu cầu báo giá: 01 bản chính bằng tiếng Việt;

Hiệu lực của báo giá: 30 ngày kể từ ngày báo giá;

Địa điểm nhận báo giá: Phòng Vật tư - TTB;

Địa chỉ: Tầng 1, Nhà A, Phòng A111 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, số 72A đường Nguyễn Bình Khiêm, Đằng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng;

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, phòng VTTTB.



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

**PHỤ LỤC THƯ MỜI BÁO GIÁ**


(Kèm theo thư mời số 1068/YDHP-VTTTB ngày 29/11/2024)

Stt	Hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	ABX Minocclair	<ul style="list-style-type: none">- Dung dịch nước base, trong suốt, màu vàng nhạt, có mùi chất tẩy trắng- Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008- Thành phần:<ul style="list-style-type: none">+ Chất làm sạch hóa chất (Chemical cleaning agent) < 5%+ Chất ổn định hóa học (Stabilizer) < 1%- Nhiệt độ bảo quản:<ul style="list-style-type: none">+ Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C. Không để đông lạnh.+ Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 6 tháng ở 18-25°C sau khi mở.- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	Chai	01	Dùng cho máy Pentra ES 60
2	ABX Lysebio	<ul style="list-style-type: none">- Dung dịch nước trong suốt và không màu- Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008.- Thành phần:<ul style="list-style-type: none">+ Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5%+ Chất tẩy rửa (Detergent) < 2,5%- Nhiệt độ bảo quản:<ul style="list-style-type: none">+ Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 15-30°C (59-86°F). Bảo vệ tránh ánh sáng. Không để đông lạnh.+ Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 3 tháng ở 15-30°C (59-86°F) sau khi mở và trong giới hạn hạn dùng.- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	Chai	01	Dùng cho máy Pentra ES 60
3	ABX Cleaner	<ul style="list-style-type: none">- Dung dịch nước trong suốt và không màu đến hơi vàng nhạt.- Thành phần:<ul style="list-style-type: none">+ Dung dịch đệm hữu cơ (Organic	Chai	01	Dùng cho máy Pentra

		<p>buffer) < 5%</p> <p>+ Enzym thủy phân protein (Proteolytic enzyme) < 1%</p> <p>+ Chất bảo quản (Preservative) < 1%</p> <p>- Nhiệt độ bảo quản:</p> <p>+ Điều kiện bảo quản: 18-25°C (65-77°F). Không để đông lạnh.</p> <p>+ Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 3 tháng ở 18-25°C (65-77°F) sau khi mở.</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485</p>			ES 60
4	ABX Diluent	<p>- Dung dịch trong suốt và không màu.</p> <p>- Thành phần:</p> <p>+ Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5%</p> <p>+ Chất bảo quản (Preservative) < 0,1%</p> <p>+ Chất diện hoạt (Surfactant) < 0,1%</p> <p>- Nhiệt độ bảo quản:</p> <p>+ Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C (65-77°F). Không để đông lạnh.</p> <p>+ Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 6 tháng ở 18-25°C (65-77°F) sau khi mở.</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485</p>	Thùng	01	Dùng cho máy Pentra ES 60
5	ABX Eosinofix	<p>- Dung dịch nước trong suốt, màu xanh dương đậm, có mùi cồn.</p> <p>- Thành phần:</p> <p>+ Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5%</p> <p>+ Chất tẩy rửa (Detergent) < 1%</p> <p>+ Cồn (Alcohol) < 10 %</p> <p>+ Chất bảo quản (Preservative) < 0,1%</p> <p>- Nhiệt độ bảo quản:</p> <p>+ Điều kiện bảo quản: 18-25°C (65-77°F). Không để đông lạnh.</p> <p>+ Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 3 tháng ở 18-25°C (65-77°F) sau khi mở.</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001,</p>	Chai	01	Dùng cho máy Pentra ES 60

		ISO 13485			
6	ABX Basolyse II	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch nước trong suốt và không màu, nhạy cảm ánh sáng. - Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Chất tẩy rửa (Detergent) < 1% + Chất bảo quản (Preservative) < 0,1% - Nhiệt độ bảo quản: <ul style="list-style-type: none"> + Điều kiện bảo quản: 18-25°C (65-77°F). Không để đông lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 10 tháng ở 18-25°C (65-77°F) sau khi mở - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 	Chai	01	Dùng cho máy Pentra ES 60
7	Bộ Anti A, AntiB, AntiAB (định nhóm máu ABO)(3 lọ/ bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A500100 1,0ml. Hiệu giá $\geq 1:256$. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485 - Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A-5E10; B-2D7 1,0ml. Hiệu giá $\geq 1:256$. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485 - Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) B501100 1,0ml. Hiệu giá $\geq 1:256$. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485 	Lọ	30	
8	Anti Rh D (Loại IgG + IgM)	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D BS225 1,0ml. Hiệu giá $\geq 1:256$. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Lọ	5	

9	Sabouraud dextrose Agar	Peptone from Casein 5 g/l Peptone from Meat 5 g/l D(+)-Glucose (= Dextrose) 40 g/l Agar-Agar 15 g/l	g	500	
10	AccuDiagTM ELISA (Fasciola IgG) - Bộ hóa chất ELISA chẩn đoán sán lá gan lớn	Bộ xét nghiệm dùng để định tính kháng thể IgG kháng Fasciola trong huyết thanh sử dụng kỹ thuật miễn dịch hấp thụ liên kết enzyme (ELISA). - Tổng thời gian ủ: 20 phút - Độ nhạy: $\geq 99\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$ - Đọc kết quả ở bước sóng 450/ 620-650nm	Bộ	3	
11	Toxocara Antibody Assay - Bộ hóa chất ELISA chẩn đoán Toxocara	-Định tính kháng thể IgG kháng Toxocara trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. -Độ nhạy: $\geq 87\%$ -Độ đặc hiệu: $\geq 93\%$ -Nhiệt độ ủ: 15°C - 25°C -Tổng thời gian ủ: 20 phút -Đọc kết quả ở bước sóng 450/620-650nm	Bộ	3	
12	Bộ hóa chất ELISA chẩn đoán ấu trùng sán dây lợn (Cysticercus cellulosae)	Xét nghiệm ELISA Cysticercosis dùng để sàng lọc định tính kháng thể IgG kháng Taenia solium trong huyết thanh bằng kỹ thuật Miễn Dịch Hấp Thụ Liên Kết Enzyme (ELISA). Độ nhạy: $\geq 88\%$ Độ đặc hiệu: $\geq 96\%$ Nhiệt độ ủ: 15°C - 25°C Tổng thời gian ủ: 20 phút Đọc kết quả ở bước sóng 450/620-650nm	Bộ	2	



Chuyen